

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2020.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào.
2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Thanh B - sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Thị Th - sinh năm 1990, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A1, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Đào Thanh B trình bày như sau:

Ông kết hôn với bà Thị Th vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 03/2006 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và ông không

còn tình cảm yêu thương gì đối với bà Th nên ông xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Thị Th.

Thời gian chung sống vợ chồng ông có 01 người con chung tên Đào Minh L – sinh ngày 01/01/2005 hiện đang sống chung với ông.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông không có tài sản chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng ông không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Thị Th.

Về con chung: Ông xin nuôi con chung là cháu Đào Minh L – sinh ngày 01/01/2005 và không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng ông ly hôn mà có người kiện vợ chồng ông đòi nợ chung thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Thị Th trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông B về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Đào Thanh B.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung là cháu Đào Minh L – sinh ngày 01/01/2005 cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đào Thanh B và bà Thị Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xử vắng mặt bà Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Thanh B và bà Thị Th kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện tức hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau trước khi đi đến xác lập cuộc sống chung vợ chồng, ông bà không có tổ chức đám cưới theo phong tục và ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Đào Thanh B và bà Thị Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Đào Thanh B và bà Thị Th có 01 con chung với nhau tên Đào Minh L – sinh ngày 01/01/2005, ông B xin được tiếp tục nuôi cháu L, đồng thời cháu L cũng có nguyện vọng được sống chung với ông B vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B.

[4] Về nợ chung: Ông Đào Thanh B và bà Thị Th đều cam kết ông bà không có nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Đào Thanh B và bà Thị Th đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Đào Thanh B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005154, ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy ông B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 53, 81, 82 và 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 28, 35, 147, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Thanh B.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Đào Thanh B và bà Thị Th là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Đào Minh L – sinh ngày 01/01/2005 cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, bà Th không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng bà Th được quyền đến thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được phép ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đào Thanh B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005154, ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang